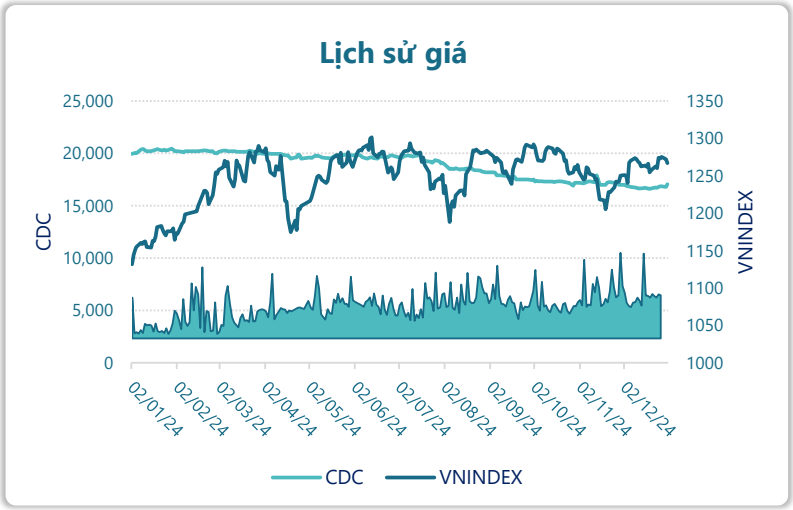
FireAnt

CTCP Chương Dương (HSX: CDC)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**17,050**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	20,450
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,600
SL cổ phiếu LH	21,988,716
KLGD BQ 20 phiên (CP)	176,075
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	375
P/E	13.1
EPS	1,302

DT thuần

Q4/24

439

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 204| 86.7%

YoY: ▲ 30.0| 7.3%

LN sau thuế

Q4/24

22.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 21.8| 2725%

YoY: ▲ 12.1| 115%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

6.2%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2024

1,169

tỷ VNĐ

YoY: ▼135| -10.3%

LN sau thuế

2024

23.3

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 12.6| 119%

ROE

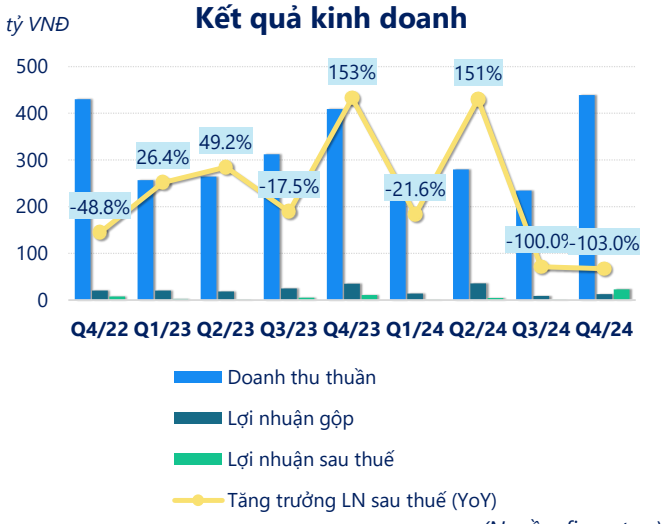
2024

6.1%

+/- YoY: ▲ 3.4%

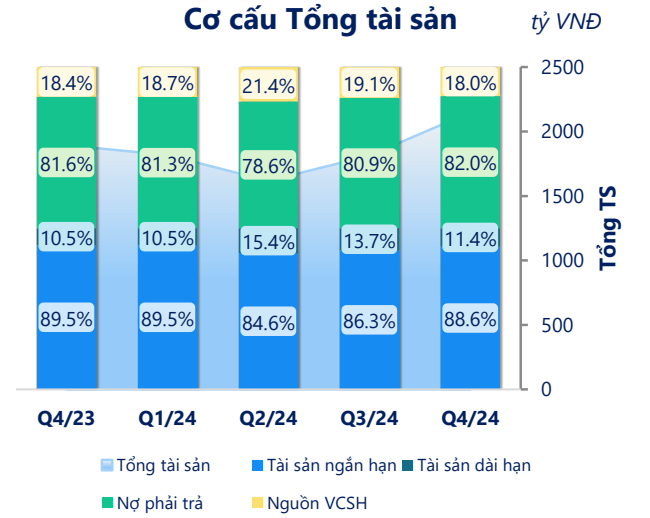
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



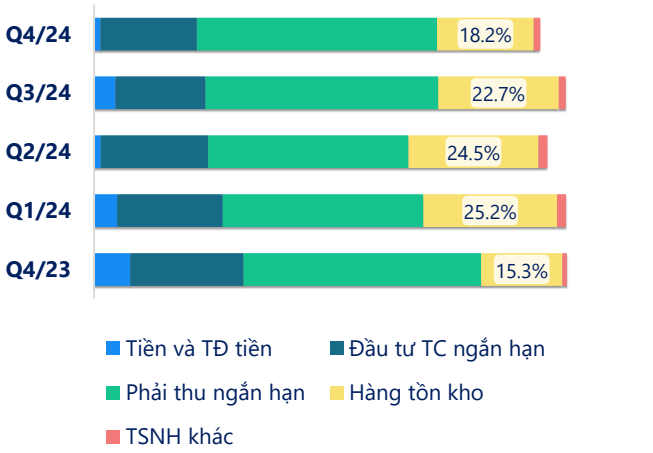
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



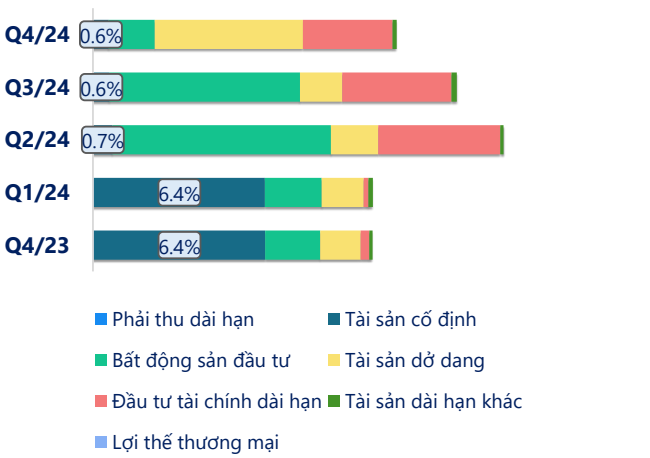
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



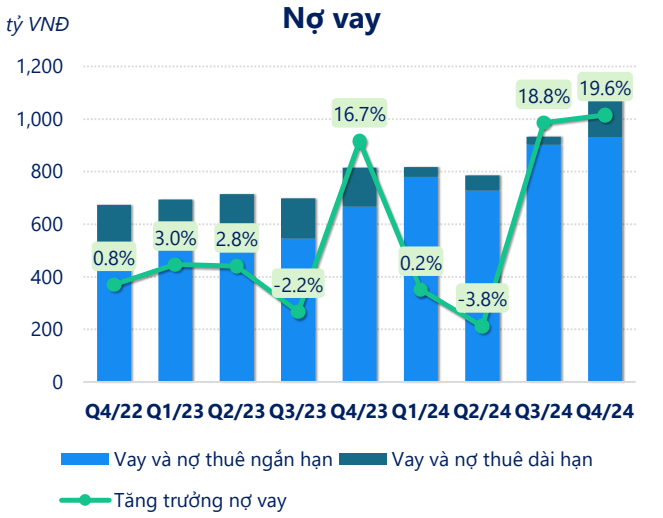
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



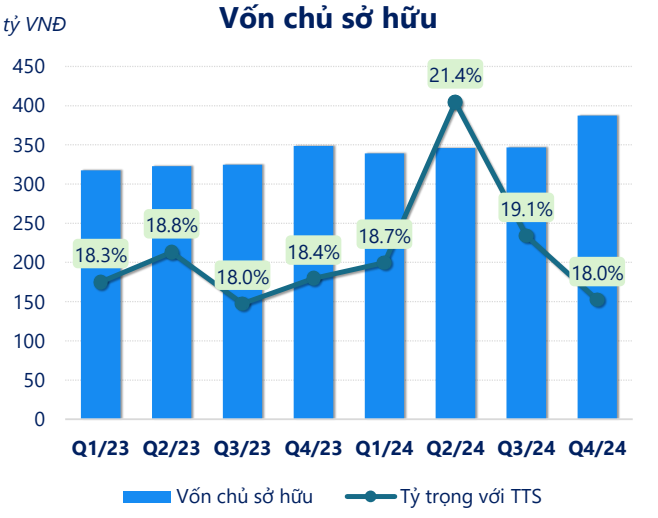
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



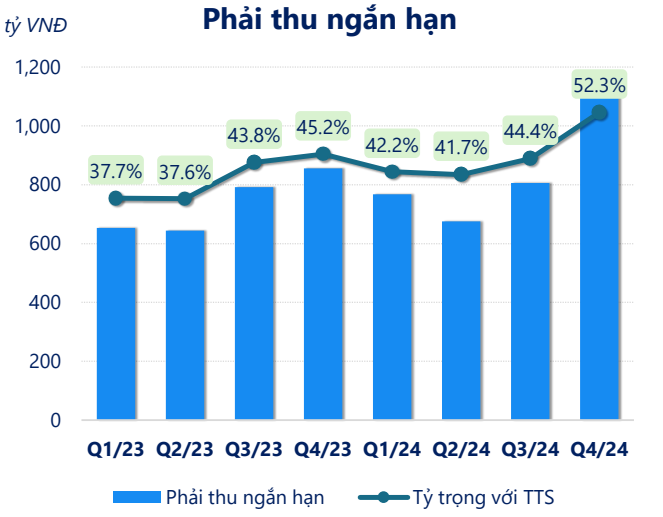
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



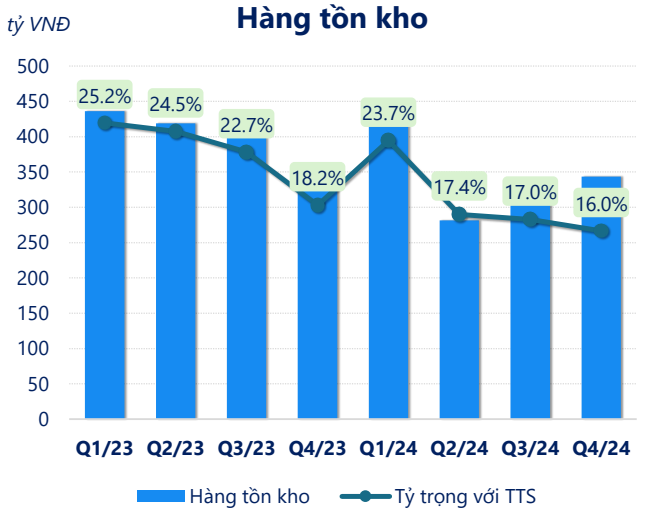
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



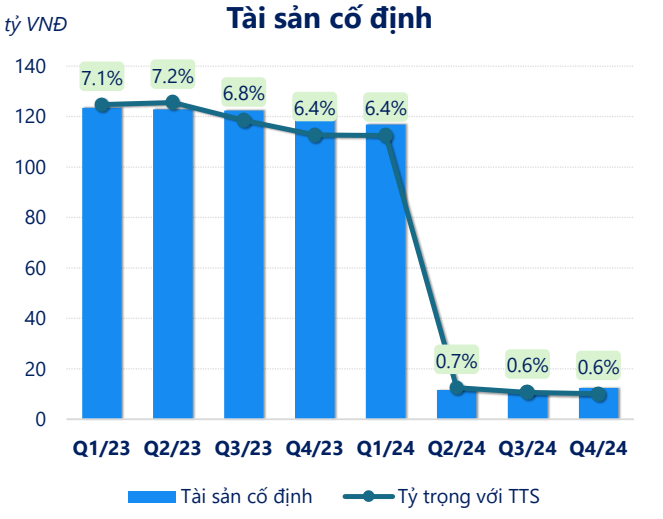
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



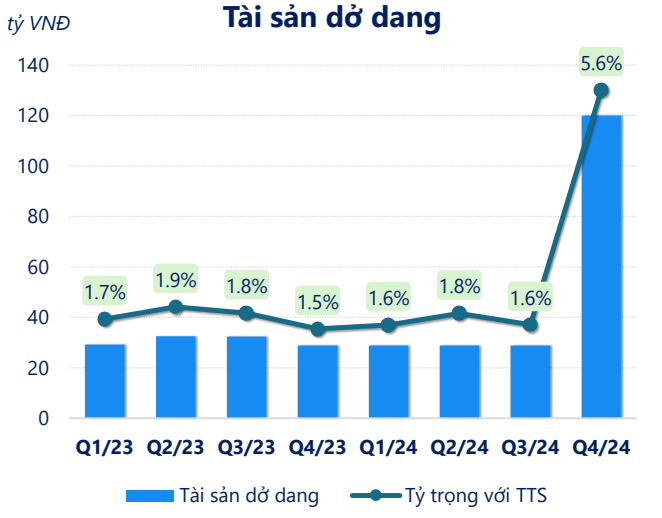
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



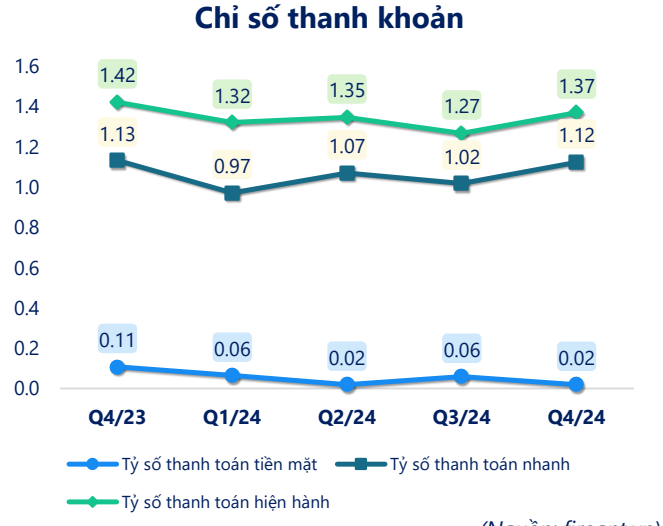
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



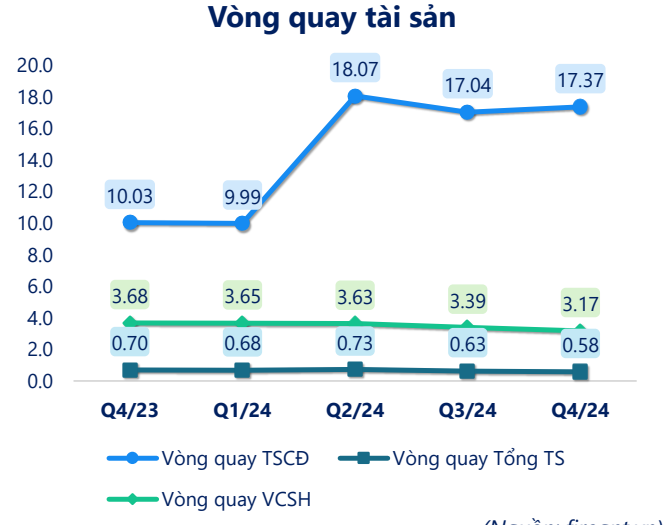
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,894**	**1,817**	**1,618**	**1,814**	**2,148**
Tài sản ngắn hạn	**1,695**	**1,625**	**1,368**	**1,566**	**1,903**
Tiền và tương đương tiền	128	79.2	20.0	72.6	26.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	343	333	381	368	400
Phải thu ngắn hạn	856	767	675	806	1,123
Hàng tồn kho	344	430	282	308	344
Tài sản ngắn hạn khác	23.1	15.8	10.2	11.2	10.0
Tài sản dài hạn	**199**	**191**	**250**	**248**	**245**
Phải thu dài hạn	0.64	0.63	0.24	0.24	0.24
Tài sản cố định	122	117	11.6	11.0	12.4
Bất động sản đầu tư	39.2	38.8	133	130	37.2
Tài sản dở dang	28.8	28.8	28.8	28.8	120
Đầu tư tài chính dài hạn	6.30	3.30	74.3	74.5	72.3
Tài sản dài hạn khác	2.21	3.05	1.88	3.73	3.38
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,546**	**1,478**	**1,272**	**1,467**	**1,761**
Nợ ngắn hạn	**1,192**	**1,230**	**1,016**	**1,235**	**1,388**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	666	780	728	902	932
Phải trả người bán ngắn hạn	218	183	104	157	128
Nợ dài hạn	354	248	256	232	373
Vay và nợ thuê dài hạn	149	37.1	57.6	31.0	184
Nguồn vốn chủ sở hữu	**348**	**339**	**346**	**347**	**387**
Vốn chủ sở hữu	**348**	**339**	**346**	**347**	**387**
Vốn điều lệ	220	220	220	220	220
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)